

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2022

V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hảo, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tian F, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: trấn T, thành phố C, tỉnh H, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021, chị Ngô Thị D trình bày: Chị và Tian F quen biết nhau thông qua bạn bè giới thiệu, chị và anh Tian F tìm hiểu nhau được 01 tuần thì tiến đến hôn nhân. Chị và anh Tian F đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của thành phố C, Trung Quốc vào ngày 22/02/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Trung Quốc. Tuy nhiên, chị D chưa

làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam. Chị và anh Tian F chung sống với nhau tại Trung Quốc, trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011, do cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngôn ngữ bất đồng không thể hàn gắn được, nên ngày 13/9/2012 chị mang con về Việt Nam sinh sống đến nay. Trong thời gian chị và con sinh sống tại Việt Nam anh F không còn quan tâm đến mẹ con chị, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với anh Tian F, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tian F, trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Về con chung: Chị Ngô Thị D xác định, quá trình chung sống chị và anh Tian F có 01 người con chung tên Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 tại Trung Quốc, cháu Tian X hiện đang chung sống với chị tại Việt Nam. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tian X, chị không yêu cầu anh Tian F cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị D xác định chị và anh Tian F không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tian F: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tại Công hàm số 1165/CH-BTP ngày 17/5/2021 thể hiện Bộ Tư pháp Việt Nam đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp cộng hòa nhân dân Trung Hoa và tại Công hàm số 243/CH-BTP ngày 24/01/2022 thể hiện Bộ Tư pháp Việt Nam đề nghị Bộ Tư pháp nhân dân Trung Hoa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo Công hàm số 1165/CH-BTP ngày 17/5/2021. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh Tian F, đồng thời anh Tian F không có văn bản trả lời về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D, anh Tian F cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Luật sư Nguyễn Thị Hảo trình bày: Chị D và anh F có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc, có con chung, do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị D dẫn con về Việt Nam sinh sống, trong thời gian chị D ở Việt Nam anh F không còn quan tâm đến chị D và con, tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Tian F, giao con chung là cháu Tian X (Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung chị D xác định không có, nên không đề nghị giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Ngô Thị D và anh Tian F là vợ chồng. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 tại Trung Quốc, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí, lệ phí ủy thác tư pháp chị D phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn anh Tian F đang cư trú tại địa chỉ: Trán T, thành phố C, tỉnh H, Trung Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh Tian F theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được văn bản thống kê kết quả ủy thác tư pháp đối với anh Tian F và anh Tian F cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Tian F.

[2.3] Đối với nguyên đơn chị Ngô Thị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị D là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Ngô Thị D.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị D và anh Tian F. Chị D và anh F đăng ký kết hôn tại Trung Quốc từ năm 2010, nhưng đến nay không đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để làm thủ tục ghi chú việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”, do việc kết hôn giữa chị D

và anh Tian F chưa được ghi chú kết hôn tại Việt Nam theo quy định tại Điều 125 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 35 Nghị định 123/2015-NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Hộ tịch. Do đó, hôn nhân của anh chị chưa đủ điều kiện để được công nhận hôn nhân hợp pháp tại Việt Nam. Nay chị D có yêu cầu xin ly hôn thì không được chấp nhận mà căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị D và anh F là vợ chồng.

[4] Về con chung: Theo chị D xác định chị và anh Tian F chung sống có 01 con chung tên Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 tại Trung Quốc, cháu Tian X hiện đang chung sống với chị D, do chị D không cung cấp được giấy khai sinh của con, nên căn cứ Kết quả xét nghiệm ADN số 2204PG/DNA ngày 08/01/2022, của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ GenPlus do chị D cung cấp để làm căn cứ xác định cháu Tian X (tên gọi khác Ngô Ngọc H) có quan hệ huyết thống mẹ-con với chị Ngô Thị D. Do đó, đủ căn cứ xác định cháu Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 là con chung của chị D.

Tại biên ghi nhận ý kiến ngày 01/12/2021 của cháu Tian X có nguyện vọng sống cùng với chị D, do từ nhỏ đã sống cùng với mẹ. Căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con và để ổn định tâm sinh lý cho cháu, nên chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục giao cháu Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định chị và anh F không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí; lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị Ngô Thị D phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư về việc nuôi con, còn về quan hệ hôn nhân đề nghị cho chị D được ly hôn với anh F là chưa phù hợp pháp luật, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị D, sinh năm 1990 và anh Tian F, sinh năm 1986.

2. Về con chung: Giao cháu Tian X (tên gọi khác là Ngô Ngọc H), sinh ngày 23/5/2011 cho chị Ngô Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Tian X đang chung sống với chị D được giữ nguyên.

Anh Tian F có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị Ngô Thị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị D xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Ngô Thị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0014988 ngày 04/3/2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Ngô Thị D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), anh Dur Văn P đã nộp 200.000 đồng thay cho chị Ngô Thị D, theo Biên lai thu số 0014888 ngày 22/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Ngô Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; anh Tian F có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn